

Số: 640/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Căn cứ Quyết định số 2217/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt được phân loại theo mã HS 2922.42.20 có xuất xứ từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và trên cơ sở kết quả rà soát lần thứ nhất (mã vụ việc AR01.AD09) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp chống bán phá giá được thực hiện theo pháp luật về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, pháp luật về thuế xuất nhập khẩu và các quy định pháp luật có liên quan.

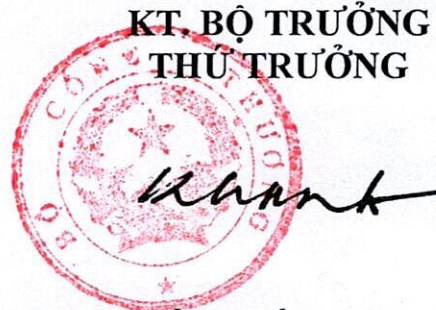
Điều 3. Các Quyết định miễn trừ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục có giá trị thực hiện đến hết thời hạn hiệu lực của Quyết định miễn trừ đó.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 05 ngày kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, TTTT;
- Tổng cục Hải quan;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Tổng cục Hải quan (Cục TXNK, Cục GSQL);
- Các Cục: CN, XNK;
- Các Vụ: AP, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (8).



Trần Quốc Khánh

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

(Kèm theo Quyết định số 640/QĐ-BCT ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá

a) Tên gọi và đặc tính cơ bản

Các sản phẩm bột ngọt (còn được gọi là mỳ chính, Monosodium Glutamate, MSG, Mononatri glutamat, Monosodium L-glutamate, Sodium glutamate, Muối natri của acid glutamic).

b) Mục đích sử dụng chính

- Sử dụng trong chế biến thực phẩm, nấu ăn: Bột ngọt được người tiêu dùng sử dụng trực tiếp trong việc chế biến món ăn;
- Sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm gia vị khác như bột/hạt nêm, bột canh;
- Sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm thực phẩm chế biến sẵn, nước chấm và nước sốt, mì gói;
- Sử dụng một khối lượng nhỏ hơn trong các sản phẩm không phải thực phẩm, chẳng hạn như chất tẩy rửa, mỹ phẩm và dược phẩm.

c) Mã số hàng hóa (Mã HS) và mức thuế nhập khẩu hiện hành

Hiện tại, hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá được phân loại theo mã HS sau: 2922.42.20.

Mã số	Mô tả hàng hóa	Thuế ưu đãi (MFN)	ACFTA ¹	ATIGA ²
Chương 29	Hóa chất hữu cơ			
2922	Hợp chất amino chức oxy.			
	- Axit - amino, trừ loại chứa 2 chức oxy trở lên, và este của chúng; muối của chúng:			
2922.42	- - Axit glutamic và muối của nó:			
2922.42.20	- - - <i>Muối natri của axit glutamic (MSG)</i>	20%	0%	0%

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hoá bị áp dụng thuế chống bán phá giá để phù hợp với mô tả hàng hoá bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá là hàng hóa có xuất xứ từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (In-đô-nê-xi-a) và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)

2. Mức thuế và danh sách các công ty bị áp dụng thuế chống bán phá giá

Bảng 1: Mức thuế chống bán phá giá

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá
	Cột 1	Cột 2	Cột 3
IN-ĐÔ-NÊ-XI-A			
1	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a		5.289.439 VNĐ/Tấn

¹ Hiệp định Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc.

² Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá
	Cột 1	Cột 2	Cột 3
TRUNG QUỐC			
2	Xinjiang Meihua Amino Acid Co., Ltd.	- Meihua Group International Trading (Hong Kong) Limited	4.622.472 VNĐ/Tấn
3	Tongliao Meihua Biological Sci-Tech Co., Ltd.	- Meihua Holdings Group Co., Ltd. - Langfang Meihua Seasoning Co., Ltd.	
4	No.1 Branch of Tongliao Meihua Bio-Technology Co., Ltd.	- Tongliao Meihua Flavouring Food Co., Ltd.	
5	Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co., Ltd.	- Fufeng (Hong Kong) Import & Export Company Limited - Wuxi Mifun International Trade Co., Ltd	
6	Neimenggu Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Fufeng Marketing Co., Ltd	3.445.645 VNĐ/Tấn
7	Baoji Fufeng Biotechnologies Co., Ltd	- Shandong Fufeng Fermentation Co., Ltd - Qingdao Wanchuang International Trade Co., Ltd	
8	COFCO Bio-Chemical Energy (Longjiang) Co., Ltd.	Jilin COFCO Bio-Chem & Bio-Energy Marketing Co., Ltd	5.069.249 VNĐ/Tấn

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế chống bán phá giá
	Cột 1	Cột 2	Cột 3
9	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		6.385.289 VNĐ/Tấn

3. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá

Thuế chống bán phá giá tại Mục 2 nêu trên sẽ được áp dụng từ ngày có hiệu lực của Quyết định về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo Quyết định khác của Bộ Công Thương căn cứ trên kết quả rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định của pháp luật).

4. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế chống bán phá giá

Để có cơ sở xác định xuất xứ của hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

- a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc
- b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:
 - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
 - Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
 - Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và
 - Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG là 6.385.289VNĐ/Tấn.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là In-đô-nê-xi-a hoặc Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG.

- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ In-đô-nê-xi-a hoặc Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản gốc) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu: (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 2 của Thông báo này thì nộp thuế CPBG ở mức như sau:

+ 5.289.439 VNĐ/Tấn đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a; và

+ 6.385.289 VNĐ/Tấn đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 2 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 2 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân tại Cột 1 Mục 2 hoặc không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 2 thì nộp thuế CPBG ở mức như sau:

+ 5.289.439 VNĐ/Tấn đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ In-đô-nê-xi-a; và



+ 6.385.289 VNĐ/Tấn đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc.

5. Trình tự thủ tục tiếp theo

Căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Nghị định 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan và Cơ quan hải quan cung cấp thông tin về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp thuế chống bán phá giá .